

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
				10%				30%	60%	100%		
1	1812719008	Nguyễn Thị Tú Anh	N18DLK4	7	8			8.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
2	1812719013	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	N18DLK4	10	9			9.0	6.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
3	1813719050	Phạm Văn Đạt	N18DLK4	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
4	1812719032	Nguyễn Thị Hoàng Dung	N18DLK4	10	5			5.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
5	1813719039	Trần Hữu Duy	N18DLK4	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
6	1812719044	Lưu Thị Mỹ Duyên	N18DLK4	1	8			8.0	8.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
7	1812719071	Bùi Thị Hiền	N18DLK4	1	10			10.0	10.0	9.1	Chín phẩy Một	
8	1813719079	Nguyễn Trung Hiếu	N18DLK4	1	9			9.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
9	1813719081	Nguyễn Thanh Trung Hiếu	N18DLK4	1	9			9.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
10	1813719082	Nguyễn Trọng Hiếu	N18DLK4	1	8			8.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
11	1812719084	Đào Thị Kim Hoa	N18DLK4	10	8			8.0	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
12	1812719092	Trương Thị Khánh Hồng	N18DLK4	4	10			10.0	6.0	7.0	Bảy	
13	1813719095	Nguyễn Xuân Huy	N18DLK4	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi,
14	1813719106	Đặng Vũ Anh Khoa	N18DLK4	10	8			8.0	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
15	1813719112	Đào Ngọc Khuê	N18DLK4	10	8			8.0	6.0	7.0	Bảy	
16	1812719114	Lưu Mỹ Lai	N18DLK4	7	10			10.0	8.0	8.5	Tám phẩy Năm	
17	1812719118	Nguyễn Thị Ái Lâm	N18DLK4	1	9			9.0	0.0	0.0	Không	HP
18	1812719122	Nguyễn Phạm Hoài Linh	N18DLK4	10	9			9.0	6.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
19	1812719121	Huỳnh Thị Mỹ Linh	N18DLK4	7	8			8.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
20	1812719123	Đậu Thị Thùy Linh	N18DLK4	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
21	1812719126	Phan Bạch Hồng Loan	N18DLK4	4	6			6.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
22	1813719136	Tôn Thắt Mãi	N18DLK4	10	7			7.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
23	1812719146	Nguyễn Thị Thúy Nga	N18DLK4	7	9			9.0	6.0	7.0	Bảy	
24	1812719151	Nguyễn Thị Tố Nguyên	N18DLK4	10	10			10.0	6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
25	1812719157	Lê Võ Mỹ Thanh Nhân	N18DLK4	7	7			7.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
26	1813719159	Trương Thành Nhân	N18DLK4	10	8			8.0	10.0	9.4	Chín phẩy Bốn	
27	1813719158	Nguyễn Trọng Nhân	N18DLK4	7	8			8.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
28	1812719170	Trần Phương Quỳnh Nhi	N18DLK4	7	10			10.0	6.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
29	1812719169	Trương Thị Thúy Nhi	N18DLK4	10	9			9.0	10.0	9.7	Chín phẩy Bảy	
30	1813719179	Trịnh Thành Phát	N18DLK4	1	8			8.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
31	1813719181	Hà Ngọc Huy Phong	N18DLK4	4	7			7.0	8.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
32	1812719183	Nguyễn Ngọc Nguyên Phú	N18DLK4	10	7			7.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
33	1812719198	Huỳnh Thị Bích Phương	N18DLK4	7	6			6.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
34	1812719199	Trương Thị Ngọc Phượng	N18DLK4	7	7			7.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
35	1812719203	Nguyễn Thị Thu Quý	N18DLK4	7	8			8.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
36	1812719209	Phạm Đoàn Khánh Quỳnh	N18DLK4	4	10			10.0	6.0	7.0	Bảy	
37	1813719216	Nguyễn Thanh Sơn	N18DLK4	10	7			7.0	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
38	1813719225	Phạm Ngọc Bảo Tân	N18DLK4	4	7			7.0	10.0	8.5	Tám phẩy Năm	
39	1812719227	Nguyễn Lan Thanh	N18DLK4	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
40	1812719233	Trần Dương Việt Thảo	N18DLK4	7	5			5.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
41	1813719241	Trần Bửu Thịnh	N18DLK4	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
42	1813719243	Nguyễn Ngọc Thông	N18DLK4	4	8			8.0	6.0	6.4	Sáu phần Bốn	
43	1813719262	Nguyễn Đăng Trung Tín	N18DLK4	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
44	1813719293	Phan Sỹ Tùng	N18DLK4	10	9			9.0	6.0	7.3	Bảy phần Ba	
45	1813719313	Dương Lê Tuấn Vũ	N18DLK4	4	9			9.0	8.0	7.9	Bảy phần Chín	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	37	82%	
2	Số sinh viên nợ	8	18%	
TỔNG CỘNG :		45	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 11 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân